

Bản án số: **212**/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2022.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Anh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Thắng**.

2. Ông **Nguyễn Đức Hạnh**.

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Thùy** - Kiểm sát viên.*

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2022/QĐST- HNGĐ ngày 23/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T1, tỉnh H.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị **Bùi Thanh C**, sinh năm 1988

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Đội 3, Thôn T, xã Đ, huyện T1, tỉnh H.

Hiện ở: N; Chị C vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thanh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T1 ngày 08/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống cùng với mẹ đẻ anh tại đội 4, thôn T, xã Đ, huyện T1. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị C đi xuất khẩu lao động tại nước N, hai người sống xa cách, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt.

Cuối năm 2021, chị C về nước nhưng cũng không về chung sống cùng với anh mà về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, và đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện. Chị C đã có đơn tố cáo anh về hành vi vi phạm chế độ một vợ, một chồng và không đồng ý ly hôn vì đợi kết quả giải quyết đơn tố cáo.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị C đã tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại N.

Hiện anh và bố mẹ đẻ chị C đều không biết địa chỉ cụ thể của chị C ở N để cung cấp cho Tòa án.

Nay anh xác định vợ chồng anh đã ly thân nhiều năm nay, hiện mỗi người ở một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho anh được ly hôn chị C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bùi Thanh T1, sinh ngày 03/10/2010 và Nguyễn Bùi Huyền A, sinh ngày 17/12/2014, hiện đều đang ở với anh, được anh chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh xác định có đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở và thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị C hiện đang ở nước ngoài nên không bảo đảm điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết vụ án, chị C trình bày:* Chị xác định về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như Anh T đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với mẹ đẻ Anh T ở đội 4, thôn Thủ Pháp, xã Đ, huyện T1. Quá trình chung sống, do kinh tế gia đình khó khăn, chị phải đi xuất khẩu lao động bên N từ năm 2017 đến năm 2021 thì về nước. Trong khoảng thời gian này, vợ chồng không có sự thấu hiểu và giành tình cảm cho nhau. Chị nghi ngờ Anh T có lỗi sống không chung thủy, quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đến khoảng cuối năm 2021, chị về nước nhưng không chung sống với Anh T mà về nhà bố mẹ đẻ ở.

Quá trình Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đang giải quyết vụ án ly hôn, chị có quan điểm không đồng ý ly hôn Anh T để chờ kết quả giải quyết đơn tố cáo của chị đối với Anh T về việc vi phạm chế độ 01 vợ 01 chồng và những điều Đảng viên không được làm.

Về con chung: Chị xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

- *Tại các biên bản lấy lời khai, ông Bùi Thanh P và bà Trần Thị S (là bố mẹ đẻ chị C) trình bày:*

Ông bà đều xác định trong quá trình chung sống giữa Anh T và chị C có xảy ra mâu thuẫn thời điểm chị C đi xuất khẩu lao động ở N, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau. Bên cạnh đó, Anh T ở nhà có biểu hiện không chung thủy, tình cảm vợ chồng bị sút mẻ. Đến cuối năm 2021, chị C về nước thì Anh T làm đơn xin ly hôn chị C. Vì công việc nên chị C tiếp tục đi xuất khẩu lao động bên N vào tháng 3/2022. Giữa chị C và ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại.

Quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết vụ án ly hôn theo thẩm quyền, ông bà không biết địa chỉ cụ thể của chị C để cung cấp cho Tòa án.

Ông bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị C biết việc Anh T vẫn xin ly hôn chị và vụ án do Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đang giải quyết. Chị C có quan điểm về quan hệ hôn nhân và con chung đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Chị C cũng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có yêu cầu gì.

- *Tại biên bản xác minh, Trưởng thôn T, xã Đ cung cấp:*

Vợ chồng Anh T, chị C có tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sinh được 02 con chung. Vợ chồng tổ chức cuộc sống chung có xảy ra mâu thuẫn, trực trặc trong thời gian chị C đi xuất khẩu lao động và khi về nước.

- Quá trình Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đang giải quyết vụ án, chị C đã xuất cảnh. Tại Công văn số 6731/QLXNC-P5 ngày 01/4/2022, Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: Chị Bùi Thanh C có thông tin xuất cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 01/3/2022, chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:*

Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Bùi Thanh C.

- Về con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn Bùi Thanh T1, sinh ngày 03/10/2010 và Nguyễn Bùi Huyền A, sinh ngày 17/12/2014 cho Anh T

được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thanh C hiện tại đang sinh sống và làm việc tại N, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điều 39; Điều 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn đơn anh Nguyễn Văn T và ông Bùi Thanh P, bà Trần Thị S là bố mẹ đẻ của chị C không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị C tại N.

Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông P, bà S, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Anh T có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt; chị C thông qua gia đình cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thanh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T1 ngày 08/3/2010 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến khi chị C đi xuất khẩu lao động tại N năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời gian sống xa cách hai người ít quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt.

Từ cuối năm 2021, chị C về nước nhưng vợ chồng cũng không chung sống với nhau. Chị C về sống với bố mẹ đẻ. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã làm đơn xin ly hôn. Chị C không có giải pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, còn nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và làm đơn tố cáo Anh T vi phạm chế độ 01 vợ 01 chồng và vi phạm quy định những điều Đảng viên không được làm, và tiếp tục đi lao động tại N.

Như vậy, quá trình chung sống, vợ chồng Anh T chị C không có tự tôn trọng nhau, thời gian sống ly thân nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho Anh T được ly hôn chị C.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị C sinh được 02 con chung là Nguyễn Bùi Thanh T1, sinh ngày 03/10/2010 và Nguyễn Bùi Huyền A, sinh ngày 17/12/2014, hiện đều đang ở với Anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Thảo có nguyện vọng xin ở với bố. Cháu Anh có nguyện vọng xin ở với mẹ. Hiện Anh T đang giữ chức vụ Chỉ huy trưởng quân sự xã Đ, huyện T1, có thu nhập ổn định, đảm bảo về chỗ ăn, ở, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung. Chị C hiện đang làm việc và sinh sống ở N, không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giao con chung là Nguyễn Bùi Thanh T1 và Nguyễn Bùi Huyền A cho Anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cho đến khi thành niên.

Chấp nhận sự tự nguyện của Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 2 Điều 228; Điều 474, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Bùi Thanh C.

- **Về con chung:** Giao cả 02 con chung là Nguyễn Bùi Thanh T1, sinh ngày 03/10/2010 và Nguyễn Bùi Huyền A, sinh ngày 17/12/2014, hiện đều đang ở với Anh T cho Anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi các con chung.

Chị Bùi Thanh C được quyền đi lại thăm nom các con chung không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên

lai số: AA/2020/0004085 ngày 24/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (Anh T đã thi hành xong).

- **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp pháp. Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THÁDS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Anh Vân